

Đề bài: Cảm nhận của anh (chị) khi đọc văn bản Một thời đại trong thi ca của Hoài Thanh

Bài làm

Một thời đại trong thi ca là một văn bản phê bình văn học. Bài viết thấm đượm phong cách khoa học và phong cách nghệ thuật. Phím hất khoa học trước hết ở những luận điểm mới mẻ, sâu sắc, phản ánh được bản chất sự vật, luận điểm 1 lại được luận giải một cách chặt chẽ, khúc chiết, có sức thuyết phục cao. Phim chất nghệ thuật được bộc lộ ở những cảm xúc thẩm mỹ tinh tế. Cảm xúc hóa thân thành giọng điệu tác giả, thành hình ảnh diễn đạt, thành thứ ngôn ngữ vừa cảm xúc vừa hàm súc, uyển chuyển, gợi cảm, bài viết đã nêu được quan niệm đúng đắn của tác giả về tinh thần thơ mới qua cách luận giải sắc sảo, diễn đạt tài hoa đầy sức thuyết phục.

Đoạn trích là phần cuối của bài tiểu luận Một thời đại trong thi ca. Luận điểm bao trùm cả đoạn trích này là vấn đề "tinh thần thơ mới". Đây là luận điểm đặc sắc và kết tinh nhiều tinh hoa văn phê bình của Hoài Thanh. Luận điểm được triển khai thành ba nội dung chính. Bởi thứ nhất, ông nêu ra nguyên tắc chung cho việc định nghĩa của mình: Chỉ căn cứ vào "cái hay", không căn cứ vào "cái đó"; Chỉ căn cứ vào "đại thể", không căn cứ vào "tiểu tiết". Theo quan niệm của Hoài Thanh (cũng là nguyên tắc phổ biến khi xem xét một hiện tượng văn học), chỉ có "cái hay", cái "đại thể mới đủ tư cách đại diện cho một thời đại thi ca. "cái dở", cái "tân tiết" không đủ tư cách đại diện cho nghệ thuật và cho một thời đại lớn của nghệ thuật. Hoài Thanh nêu định nghĩa về tinh thần thơ mới bằng cách đối sánh: tinh thần thơ cũ gồm trong chữ "ta"; tinh thần thơ mới gồm trong chữ "tôi". Nhà phê bình có đề cập đến chỗ giống nhau nhưng hướng trọng tâm vào chỗ khác nhau của hai chữ này. Bước thứ hai, tác giả luận giải về nội dung và biểu hiện của hai chữ "tôi" và "ta"; Chữ "ta" và biểu hiện của chữ "ta" cùng số phận của nó trong thời đại thơ cũ trước kia. Chữ "tôi" và biểu hiện của chữ "tôi" cùng số phận đầy bi kịch của nó trong thời đại thơ mới này.

Qua ba bước trên, người đọc nhận thấy nhà phê bình đã tuân theo trật tự từ xa đến gần, từ ngoài vào trong, từ khái quát đến cụ thể, từ diện mạo (trong không gian) đến diễn biến lịch sử (trong thời gian). Các bước lập luận với trật tự như vậy rất đảm bảo tính lôgic của tư duy. Vì vậy khả năng thuyết phục rất cao. Đây là một ưu thế của văn nghị luận.

Tinh thần thơ mới gói gọn trong một chữ "tôi". "Cái tôi" của các nhà thơ mới là bản ngã của mọi con người mà ai cũng có. Nhưng trong những thời kì lịch sử nhất định (đặc biệt là thời trung đại) do hệ tư tưởng chính thống của thời đại khống chế, ép buộc nên cái bản ngã ấy không được bộc lộ, phải giấu kín hoặc triệt tiêu. Nhà thơ phải nói tiếng nói của "cái ta- đạo lí" chung của thời đại. Đó là một nền thơ phi ngã, vô ngã. Chỉ khi nào "cái tôi" ấy được giải phóng thì thi nhân mới có thể nói lên những điều thành thực tự đáy lòng mình. "Cái tôi" đó chính là "khát vọng được thành thực", là sự khẳng định bản ngã của nhà thơ trước cuộc đời, là sự tự ý thức về cá nhân mình trong cuộc sống xã hội. "Cái tôi" ấy bị xã hội phong kiến kiểm chế trong bao nhiêu thế kỉ giờ đây trong bối cảnh mới của thời kì hiện đại, đặc biệt là những năm 30 của thế kỉ XX mới được giải phóng và bùng nổ mãnh liệt. Và khi được giải phóng thì nó sẽ "làm giàu cho thi ca" bằng những cảm xúc mới mẻ và những cách tân nghệ thuật.

Khi luận giải về tư tưởng thơ mới, Hoài Thanh đã dùng cách đối sánh giữa tư tưởng thơ cũ (gồm trong chữ "ta") và tư tưởng thơ mới (gồm trong chữ "tôi"). Cách luận giải về nội dung và biểu hiện của hai chữ "ta" và "tôi" luôn song hành để nêu lên mặt tích cực của cái tôi trong thơ mới: "Cái tôi thơ mới xuất hiện diễn đàn có tính khái quát: "Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân, chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình.

"Cái tôi thơ mới xuất hiện mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này niệm cá nhân" tức là sự tự ý thức về bản thân chứ không phải chủ nghĩa cá nhân. Cái tôi với cái nghĩa tuyệt đối của nó làm cho mọi người khó chịu. Nhưng ngày càng mất dần vẻ bờ ngõ và được vô số người quen. Sự mới mẻ trong tính ưu việt của cái tôi- bản ngã được chấp nhận. Còn trong thơ xưa, các thi nhân không một lần dám dùng chữ "tôi" để nói chuyện với mình hay với tất cả mọi người không tự xưng mà ẩn mình sau chữ "ta".

Cách dẫn dắt của tác giả tự nhiên linh hoạt và độc đáo. Từ thực tế văn chương xưa nay mà thể hiện cái tôi trỗi dậy đòi được khẳng định và phong trào Thơ mới nảy sinh từ sự trỗi dậy của "cái tôi" đó.

Khi nói về bi kịch của cái tôi, tác giả không dùng lí lẽ để diễn đạt. Mạch văn không phải được dẫn dắt bằng ngôn ngữ khái niệm với những phương tiện liên kết của lôgic hình thức, nặng tính thơ biện ta vẫn quen gặp trong những bài phê bình văn học nghiêng về khoa học thuần túy. Trái lại, ông dẫn dắt ý chủ yếu bằng ngôn ngữ đời sống, nương theo mạch liên kết của cảm xúc thẩm mĩ. Bởi vậy mà tạo được sự rung cảm, đồng cảm ở người đọc. "Cái tôi" của các nhà thơ mới thật đáng thương (Người ta thấy nó đáng thương, Mà thật nó tội nghiệp quá!) vì nó mất đi chỗ dựa tư tưởng, bởi họ là những thi nhân mất nước đang sống trong cuộc đời mòn mỏi, tù túng. Nghệ thuật tương phản đối lập giữa con đường muốn thoát thân với cái sự thực hiện hữu của cuộc đời đã nêu bật được bi kịch của cái tôi thơ mới. Mỗi cái tôi là một nỗ lực đào sâu trốn chạy vài ý thức cá nhân nhưng càng đi sâu càng bế tắc. Đặc sắc của đoạn văn là những khái quát rất chính xác, súc tích, lại được viết bằng lối văn giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu khiến cho văn phê bình mà đọc lên nghe như thơ. Tác giả sử dụng dạng ngôn ngữ phi khái niệm, dung dị, dễ hiểu mà vẫn súc tích, diễn đạt được bản chất của đối tượng. Độc đáo hơn nữa là tác giả tạo ra hình ảnh một độc giả yêu thơ cứ theo bước chân các nhà thơ tiêu biểu bước vào cõi thơ riêng của mỗi vị.

Chủ đề được triển khai thành hai phần chính: khái quát về hướng tìm tòi, hệ quả chung và điếm qua những gương mặt điển hình cùng lãnh địa cá nhân điển hình của thơ mới để thấy được sự phân hóa đa dạng cùng sự quần quanh bế tắc của ý thức cá nhân. Từ đó tác giả đi đến một nhận định: "Thực chưa bao giờ thơ Việt Nam xôn xao như thế". Đây là nỗi buồn của một thế hệ thi nhân mất nước mang "cái tôi" cô đơn nhỏ bé trước cách mạng. Điều đó đã làm nên âm hưởng, giọng điệu đặc trưng riêng của thơ mới.

Bi kịch của cái tôi thơ mới là bi kịch không dễ gì giải quyết được vì họ "thiếu một lòng tin đầy đủ", thiếu một lí tưởng sống cho cuộc đời. Trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, các thi nhân chỉ biết giải quyết bi kịch ấy bằng cách "gửi cả vào tiếng Việt" bởi vì "tiếng Việt, họ nghĩ là tấm lụa hứng vong hồn những thế hệ qua". Như vậy, các thi nhân thơ mới đã tìm thấy một chỗ dựa tin cậy của tư

tưởng nòi giống, của các thể thơ xưa, của tiếng Việt,... để vin vào những điều bất diệt ấy mà đảm bảo cho ngày mai. Ba câu vẫn điệp lại một cấu trúc "chưa bao giờ như bây giờ" vừa nhấn mạnh ý vừa thể hiện giọng điệu thiết tha thông cảm khiến cho bài văn nghị luận không khô khan mà thấm đượm tình người- ở đây là tình của người phê bình với các thi nhân thơ mới.

Đoạn trích cũng như toàn bài tiểu luận Một thời đại trong thi ca là một mẫu mực đẹp đẽ, một thành tựu xuất sắc của Hoài Thanh trong thể nghị luận văn chương thuộc lĩnh vực phê bình, văn học. Đoạn văn đã nêu bật được tư tưởng thơ mới, thể hiện được cách nhìn nhận thơ mới trong bối cảnh lịch sử và thực tiễn thơ ca một cách đúng đắn, khoa học. Đó cũng là cách nhìn tiến bộ với hình tượng thơ mới 1932- 1941 theo quan điểm lịch sử xuất phát từ chính con người và hồn thơ của các thi nhân lúc bấy giờ. Cách lí giải của Hoài Thanh đã hơn 60 năm trôi qua mà vẫn rất gần với cách hiểu của chúng ta về thơ mới hôm nay.